

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành
Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Sau gần 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và 03 năm thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035, lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh đạt nhiều thành tựu quan trọng. Nông nghiệp đã hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đứng thứ nhất khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, đứng thứ 4 miền Bắc, đóng vai trò quan trọng là trụ đỡ của nền kinh tế, đảm bảo sự ổn định, thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu, điều kiện dịch bệnh. Nông dân Bắc Giang ngày càng phát huy tốt vai trò là chủ thể, tham gia hợp tác, liên kết, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Nông thôn gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới từng bước phát triển theo hướng hiện đại, xanh - sạch - đẹp. Kết quả đạt được trong xây dựng, phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã góp phần nâng cao đời sống của người dân, xóa đói giảm nghèo, trở thành điểm sáng của cả nước.

Tuy nhiên, phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn bộc lộ một số hạn chế: Nông nghiệp phát triển chưa bền vững, tăng trưởng có xu hướng chậm lại; quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, chưa gắn kết chặt chẽ với thị trường tiêu thụ; chi phí đầu vào sản xuất cao, hiệu quả sản xuất, khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản còn thấp; việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn khó khăn; số hợp tác xã nông nghiệp nhiều nhưng chưa mạnh, quy mô nhỏ, trình độ quản trị hạn chế; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch chậm, công nghiệp, thương mại, dịch vụ nông thôn phát triển chậm. Tư duy của một bộ phận cán bộ và nông dân chưa theo kịp tiến trình phát triển. Hạ tầng kinh tế kỹ thuật ở vùng sâu, vùng xa còn chưa đáp ứng yêu cầu; an ninh trật tự, an toàn xã hội ở khu vực nông thôn còn tiềm ẩn phức tạp; tình trạng vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng.

Để tiếp tục phát huy những thành tựu đạt được, kịp thời khắc phục những tồn tại hạn chế nêu trên và triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW*); Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình hành động như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm chính trị của các cấp, các ngành, các địa phương, cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của

nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tạo sự thống nhất về ý chí và hành động trong toàn Đảng bộ tỉnh, sự đồng thuận trong Nhân dân nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 19-NQ/TW đã đề ra.

2. Bám sát quan điểm, mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW và căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương để cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

3. Việc triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW phải gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Xác định rõ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên cần quan tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, là chủ thể trực tiếp tham gia vào quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp phát triển nhanh, ổn định, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, an toàn thực phẩm, môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế từng vùng, địa phương, tổ chức các mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Phân đầu có thêm từ 1 - 3 mặt hàng nông sản xuất khẩu chính ngạch. Nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành Nông lâm nghiệp và thủy sản bình quân đạt từ 2-3%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân từ 8,6-9%/năm.

- Toàn tỉnh có khoảng 350 sản phẩm OCOP, trong đó có 04 sản phẩm đạt 5 sao.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới chiếm 95%, trong đó 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 8/9 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (*chiếm 88,9%*), trong đó phần đầu có 3 huyện (*chiếm 37,5%*) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn đến năm 2030 phần đầu tăng gấp 3 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 90%.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống còn 18%; bình quân hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 15.000 lao động nông thôn.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 37%, nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt trên 90%.

- Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, giữ vững ổn định chính trị xã hội ở nông thôn; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân 1% - 1,5%/năm, đến năm 2030 còn dưới 1%, trong đó các xã đặc biệt khó khăn còn 6%.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Nông dân và cư dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn theo hướng hiện đại, phát thải các bon thấp, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; sản xuất nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, gắn kết chặt chẽ với chế biến và bảo quản nông sản hiện đại; có nhiều sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh tiêu thụ và xuất khẩu thuận lợi, đem lại giá trị thu nhập cao. Nông thôn hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, con người Bắc Giang; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn

Bảo đảm quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bản sắc văn hóa dân tộc, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao cho nông dân và cư dân nông thôn. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang làm việc ở khu vực công nghiệp, dịch vụ; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn. Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển, bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn; nâng nhanh tỷ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế. Phát huy vai trò của Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh Hợp tác xã và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật, kiến thức sản xuất kinh doanh, khoa học - công nghệ; đẩy mạnh các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng gia đình, khu dân cư văn hóa.

2. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; tập trung phát triển các sản phẩm OCOP, sản phẩm tiềm năng thế mạnh các địa phương và của tỉnh. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển sản xuất theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng

hoá tập trung, quy mô lớn, đảm bảo an toàn thực phẩm thông qua việc ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyên đổi số, cơ giới hóa; gắn chặt chẽ giữa sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản, tiêu thụ, với dịch vụ, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Phát triển nông nghiệp sinh thái thích ứng biến đổi khí hậu, xây dựng các mô hình kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, giảm phát thải khí nhà kính. Ưu tiên đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng vùng sản xuất chuyên canh, tập trung, các dự án nghiên cứu, sản xuất giống, ứng dụng công nghệ cao phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó biến đổi khí hậu.

Phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, trọng tâm là hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp; thúc đẩy liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt, định hướng, tạo ra sản phẩm đồng nhất về chất lượng trên cơ sở đồng nhất về giống và công nghệ sản xuất, giảm dần các khâu trung gian. Nâng cao năng lực, hiệu quả của đội ngũ kỹ thuật chuyên ngành thú y, kiểm dịch, quản lý an toàn thực phẩm. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

- *Về trồng trọt*, chuyên đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, quy mô lớn. Quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo hướng linh hoạt, hiệu quả; chuyên đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang sản xuất cây trồng, vật nuôi có hiệu quả cao hơn; quản lý chặt chẽ đất trồng lúa, nhất là diện tích đất lúa vùng tập trung cần bảo vệ nghiêm ngặt, lâu dài theo quy hoạch để bảo đảm vấn đề an ninh lương thực. Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, cơ giới hóa, thực hiện các quy trình kỹ thuật tiên tiến (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ), thâm canh bền vững, giảm sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc vô cơ; khuyến khích sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, hữu cơ.

- *Về chăn nuôi*, phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao tại các vùng quy hoạch; hỗ trợ chăn nuôi trang trại, chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn, chăn nuôi theo chuỗi khép kín, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường. Xử lý triệt để tình trạng sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh, hóa chất không rõ nguồn gốc trong chăn nuôi. Sản phẩm chăn nuôi đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; bố trí quỹ đất phù hợp cho phát triển chăn nuôi. Từng bước di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư tập trung. Phát triển đa dạng hóa các loại vật nuôi, nhất là các giống đặc sản, chăn nuôi hữu cơ tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, lợi thế cạnh tranh.

- *Về thủy sản*, phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghiệp, sinh thái, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, áp dụng khoa học công nghệ hiện đại và quy trình nuôi trồng thủy sản tốt (GAP); tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Phát triển nuôi thâm canh, ứng dụng công nghệ cao ở các huyện đồng bằng và phát triển nuôi thủy sản trên hồ chứa, nuôi các loài thủy sản truyền thống và thủy đặc sản có giá trị kinh tế ở các huyện miền núi; tăng cường kiểm soát dịch bệnh, dư lượng kháng sinh.

- Về lâm nghiệp, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng tự nhiên, rừng đặc dụng và rừng phòng hộ; thực hiện các biện pháp làm giàu rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung cây bản địa để phục hồi rừng tự nhiên; bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái gắn với bảo vệ chiến lược nguồn nước; phát triển các điểm, khu du lịch rừng. Duy trì phong trào trồng rừng tập trung và trồng cây phân tán theo quy hoạch và kế hoạch hằng năm. Phát triển kinh tế rừng, xây dựng các mô hình trồng cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng; có cơ chế chính sách đặc thù để vừa làm tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng, vừa tạo sinh kế, nâng cao thu nhập của người dân sống ở khu vực có rừng. Đẩy mạnh thực hiện chính sách dịch vụ môi trường rừng, mở rộng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Nâng cao chất lượng rừng trồng, phát triển trồng rừng gỗ lớn. Phát triển công nghiệp chế biến gỗ, nhất là chế biến sâu và sản phẩm gỗ cao cấp để phục vụ xuất khẩu.

3. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, cơ sở hạ tầng nông thôn

Tổ chức triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ. Phát triển kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho huyện miền núi, vùng cao, xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn. Đầu tư nâng cấp hạ tầng giao thông, công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới lưu thông, bảo quản, chế biến, logistics, xây dựng hạ tầng thương mại đa dạng ở nông thôn, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại điện tử.

Phát triển công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, chế biến gỗ. Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề phù hợp với quy hoạch và điều kiện cụ thể tại địa phương; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hình thành các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp có quy mô lớn; tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

Bảo tồn, phát triển các ngành nghề, làng nghề, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái. Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống, các sản phẩm có lợi thế của từng địa phương nhằm phát huy bản sắc, khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo và nâng cao thu nhập cho người dân. Chú trọng đào tạo, tôn vinh nghệ nhân ở nông thôn. Phát huy vai trò của các hiệp hội ngành hàng trong liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản.

4. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá

Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa, vì lợi ích của người dân. Thực hiện hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới ở thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn. Quy hoạch, kiến trúc khu dân cư, công trình, nhà ở phù hợp với truyền thống văn hóa, cảnh quan, môi trường, điều kiện thực tế và thích ứng với biến đổi khí hậu. Cải thiện điều kiện sống, nhà ở, đổi mới tư duy, nếp sống, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm an ninh

chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, giữa miền núi và đồng bằng. Kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Ưu tiên nguồn lực cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các nguồn lực khác để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tiệm cận yêu cầu đô thị hóa 02 huyện: Việt Yên, Yên Dũng và một số xã của huyện Lục Ngạn phù hợp với chương trình phát triển đô thị của tỉnh; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, nhất là vùng ven thành phố, thị trấn, thị tứ, từng bước tiếp cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ của đô thị. Chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng phục vụ chuyển đổi số, hạ tầng văn hoá, giáo dục, y tế; cung cấp nước sạch theo quy chuẩn; nâng cấp, bảo đảm an toàn các công trình hồ đập, đê điều, xây dựng mới các công trình hồ chứa thủy lợi. Tiếp tục tập trung giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường ở nông thôn; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh, giàu bản sắc văn hoá truyền thống.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ nước ngoài, thu hút các dự án đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, ưu tiên các vùng khó khăn, miền núi, thu hẹp chênh lệch về điều kiện sống giữa các vùng. Nâng cao hiệu quả đầu tư, thực hiện lồng ghép nguồn vốn các dự án, chương trình đầu tư; huy động mạnh mẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh hình thức đầu tư theo phương thức nhà nước - Nhân dân cùng làm.

5. Tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Triển khai kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách của trung ương; quản lý, sử dụng bền vững, linh hoạt, hiệu quả đất nông nghiệp, tránh tình trạng bỏ hoang, làm thoái hoá đất; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

Hoàn thiện và đổi mới cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo hướng khắc phục tình trạng dàn trải, chuyển từ hỗ trợ trực tiếp sang kết hợp với hỗ trợ gián tiếp tập trung vào các sản phẩm chủ lực và địa bàn trọng điểm. Tiếp tục nghiên cứu, ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tăng đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 -2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011-2020.

Củng cố và mở rộng hệ thống tín dụng nhân dân, bảo đảm an toàn, hiệu quả. Tuyên truyền nông dân tham gia bảo hiểm nông nghiệp, góp phần giảm thiểu rủi ro. Tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp, người dân nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng. Phát huy vai trò của Ngân hàng chính sách xã hội các cấp, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong cung cấp tín dụng đối với các hộ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách; ngăn chặn và xử lý nghiêm hình thức tín dụng đen.

Khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích sáp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

6. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

Đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường; xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, thị trường...; số hóa cơ sở dữ liệu của tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ thực sự trở thành động lực quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ công lập, kết hợp đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các doanh nghiệp và huy động mọi nguồn lực hợp pháp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, thực hiện khoán, đặt hàng sản phẩm khoa học - công nghệ, tạo đột phá về giống cây trồng, vật nuôi. Ưu tiên nguồn vốn thực hiện các đề tài nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, đặc sản của các địa phương.

Hỗ trợ thành lập các trung tâm khởi nghiệp, quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo, các doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các viện, trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm.

Phát triển nhân lực, đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn. Đổi mới hình thức tổ chức và nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, khoa học - công nghệ, quản trị kinh doanh, góp phần giải quyết việc làm, chuyển đổi nghề và xuất khẩu lao động.

7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Tăng cường quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học. Quy hoạch, khai thác và phát huy nguồn lực đất đai trong xây dựng, phát triển bền vững kinh tế nông thôn. Thực hiện quyết liệt, hiệu quả các biện pháp bảo vệ rừng; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu rừng và đất lâm nghiệp bằng công nghệ GIS, khuyến khích các mô hình quản lý rừng bền vững dựa vào cộng đồng. Bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học.

Bảo đảm an ninh, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững nguồn nước. Khuyến khích phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện môi trường; khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư xử lý nước thải, chất thải rắn, nhất là tại các làng nghề, cụm công nghiệp, dịch vụ, khu xử lý rác tập trung.

Hướng dẫn người dân và doanh nghiệp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai, thời tiết cực đoan; phối hợp với các tỉnh khai thác, bảo vệ nguồn nước sông, suối, chống sạt lở; xây dựng hệ thống

giám sát môi trường tự động đối với nguồn nước mặt sông Thương, sông Cầu và sông Lục Nam. Chủ động các kịch bản phòng, chống thiên tai.

8. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ

Chú trọng phát triển thị trường nông sản trong nước, ứng dụng thương mại điện tử để quảng bá sản phẩm; hình thành chuỗi cung ứng - sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong và ngoài nước. Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp trên địa bàn tinh nắm bắt, tận dụng tối đa lợi thế từ các Hiệp định Thương mại (FTA) khu vực và quốc tế mà Việt Nam tham gia trong xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tiếp tục duy trì, giữ vững, ổn định xuất khẩu những mặt hàng nông sản của tỉnh vào các thị trường truyền thống, tập trung tìm kiếm, mở rộng xuất khẩu vào các thị trường tiềm năng (EU, Mỹ, Úc, Nhật Bản...), tránh phụ thuộc vào một số ít thị trường. Chuyển mạnh từ xuất khẩu tiểu ngạch sang xuất khẩu chính ngạch; xây dựng trung tâm dịch vụ thương mại tổng hợp (*chợ đầu mối cấp vùng*) tại thành phố Bắc Giang và huyện Lục Ngạn.

Mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ chế biến, bảo quản nông sản, sản xuất giống, xử lý ô nhiễm môi trường, tái sử dụng phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp. Tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng chống dịch bệnh.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát đối với các chủ trương, đường lối, chính sách của Trung ương, của tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của địa phương và người đứng đầu. Chú trọng kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội gắn với bảo vệ môi trường; chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, trọng tâm là các tiêu chí về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho nông dân, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở.

Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương sáu khóa XII, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành tỉnh với các địa phương; cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sản xuất kinh doanh và thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, đổi mới phương thức quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín phục vụ nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của đoàn viên, hội viên và toàn thể nhân dân về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phát huy vai trò, trách nhiệm, tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân tăng cường liên kết, ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi hình thức sản xuất nông nghiệp, tham gia xây dựng và phát triển mô hình kinh tế nông nghiệp hiệu quả; thực hiện tốt phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, xây dựng gia đình văn hóa, thôn bản văn hóa"*.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động này để xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh (*hoàn thành trong tháng 10/2022*) để tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh chỉ đạo nghiên cứu, rà soát sửa đổi, bổ sung, xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách để thực hiện các nội dung của Chương trình hành động này.

3. Các huyện ủy, thành ủy, Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động này chủ động xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện (*hoàn thành trong tháng 11/2022*). Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, gắn với thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 19-NQ/TW đã đề ra.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông thường xuyên tuyên truyền các nội dung cơ bản của Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động này và các chủ trương, cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để nâng cao nhận thức, tăng cường sự đồng thuận xã hội trong triển khai thực hiện. Kịp thời phát hiện, cổ vũ những nhân tố mới, điển hình tiên tiến; đồng thời, phê phán những thiếu sót của các cơ quan, đơn vị, tập thể, cá nhân trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động này.

5. Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện đồng thời tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động này.

6. Các đồng chí bí thư ban cán sự đảng, đảng đoàn, huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả thực hiện Nghị quyết

số 19-NQ/TW và Chương trình hành động này trong phạm vi địa phương, lĩnh vực, chức trách, nhiệm vụ được giao.

7. Ban cán sự Đảng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Trung ương theo quy định.

Nơi nhận: *M*

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Ban cán sự đảng Bộ NN&PTNT,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, cơ quan, ban, ngành tỉnh,
- UB MTTQ và các đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy.

(báo cáo)

T/M BAN THƯỜNG VỤ



Dương Văn Thái